BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM TP.HCM
KHOA CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC
*****

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT

LỚP: PHÂN TÍCH THỦY SẢN 04 (01/08 đến 11/11/2013)

TT	Tên học viên		Ngày sinh	Nơi sinh	KCS sản phẩm khô	KCS nước mắm	KCS đồ hộp thủy sản	KCS sản phẩm giá trị gia tăng	KCS lạnh đông thủy sản	UDSK trong PT thủy sản	Phân tích nước	Điểm tổng kết	Ghi chú
1	Đặng Thị Cẩm	Châu	25/01/1993	Tiền Giang	8.0	7.0	8.0	8.0	8.0	7.0	8.0	**7.7**	Đạt
2	Nguyễn Văn Quảng	Đại	18/01/1993	Cần Thơ	7.5	8.0	8.0	7.0	8.0	7.0	7.5	**7.6**	Đạt
3	Phạm Quốc	Đoàn	25/07/1993	Bến Tre	8.5	8.0	8.0	8.0	8.0	7.5	8.5	**8.1**	Đạt
4	Thái Duy	Đức	20/08/1992	Nghệ An	8.5	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	8.5	**8.0**	Đạt
5	Lê Thị Thùy	Dung	06/06/1993	Bình Thuận	8.5	8.0	8.0	6.0	8.0	7.0	7.5	**7.6**	Đạt
6	Võ Thị	Duyên	04/07/1993	Quảng Nam	8.5	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.5	**7.9**	Đạt
7	Đặng Thị	Hà	15/08/1992	Bình Định	7.5	8.0	8.0	7.5	7.0	7.3	8.0	**7.6**	Đạt
8	Nguyễn Thanh	Hải	10/04/1990	Bắc Thái	7.5	7.0	7.0	8.0	7.0	7.0	7.5	**7.3**	Đạt
9	Nguyễn Thị Nhật	Hằng	01/03/1993	Bình Định	7.0	8.0	7.0	6.5	7.0	7.0	7.5	**7.1**	Đạt
10	Phạm Thị	Hiền	11/10/1993	Bà Rịa-Vũng Tàu	9.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	8.5	**8.1**	Đạt
11	Phạm Thị Phương	Hiền	30/08/1993	Bình Thuận	8.0	8.0	7.0	5.5	7.0	7.0	7.5	**7.1**	Đạt
12	Đoàn Thị Ngọc	Linh	29/05/1993	Đồng Nai	8.0	8.0	7.0	7.0	7.0	7.5	8.5	**7.6**	Đạt
13	Võ Thị Trúc	Linh	03/02/1993	Đồng Tháp	8.0	7.0	8.0	8.0	8.0	7.5	8.0	**7.8**	Đạt
14	Hồ Kim	Loán	/ /1993	Cà Mau	8.5	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.5	**7.9**	Đạt
15	Dương Trúc	Ly	15/03/1992	Long An	8.0	8.0	8.0	8.5	8.0	7.5	7.5	**7.9**	Đạt
16	Lê Toàn	Miền	09/11/1991	Kiên Giang	8.0	7.0	8.0	8.0	8.0	7.5	8.0	**7.8**	Đạt

17	Phùng Thị	Nầm	07/06/1991	Đồng Nai	8.0	8.0	8.0	7.0	7.0	5.0	8.0	**7.3**	Đạt
18	Huỳnh Minh	Ngởi	11/12/1992	Kiên Giang	8.0	8.0	8.0	8.5	8.0	7.0	7.5	**7.9**	Đạt
19	Trần Thị Kim	Nhi	15/02/1993	Tiền Giang	8.0	8.0	8.5	7.5	8.0	7.0	8.0	**7.9**	Đạt
20	Hồ Thị Kim	Oanh	21/08/1993	Đồng Nai	9.5	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.5	**8.0**	Đạt
21	Nguyễn Hữu	Phát	19/03/1991	Quảng Nam	7.5	7.0	7.0	8.0	7.0	7.0	7.5	**7.3**	Đạt
22	Nguyễn Thị Tú	Quyên	01/04/1992	Tiền Giang	7.0	8.0	8.0	7.5	7.0	7.0	8.0	**7.5**	Đạt
23	Trịnh Ngọc	Sơn	19/11/1992	Đồng Nai	8.0	8.0	8.0	7.5	8.0	7.0	8.5	**7.9**	Đạt
24	Lê Minh	Sướng	01/02/1992	Bình Định	9.0	8.0	8.0	9.0	8.0	7.3	8.5	**8.3**	Đạt
25	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	27/01/1993	Đồng Nai	8.0	8.0	8.5	7.5	8.0	7.5	8.0	**7.9**	Đạt
26	Lê Đức	Thắng	15/04/1992	Quảng Ngãi	7.5	8.0	8.0	7.5	8.0	7.0	8.5	**7.8**	Đạt
27	Đinh Xuân	Thành	20/04/1992	Quảng Bình	7.5	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	8.0	**7.8**	Đạt
28	Cao Huỳnh	Thành	12/10/1992	Sóc Trăng	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.3	8.5	**8.0**	Đạt
29	Nguyễn Thị Minh	Thơ	/ /1993	Tiền Giang	8.0	8.0	8.5	7.5	8.0	7.0	8.0	**7.9**	Đạt
30	Nguyễn Đức	Thuận	15/07/1984	Thanh Hóa	7.5	7.0	7.0	9.0	7.0	7.0	7.5	**7.4**	Đạt
31	Huỳnh Khoa	Tiến	11/09/1993	Khánh Hòa	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.0	8.5	**7.9**	Đạt
32	Lâm Thị Mộng	Trầm	08/02/1993	Bình Định	8.0	8.0	7.0	7.5	7.0	7.3	8.5	**7.6**	Đạt
33	Huỳnh Văn	Trương	08/08/1990	Phú Yên	7.5	7.0	7.0	8.0	7.0	7.3	7.5	**7.3**	Đạt
34	Đỗ Huỳnh Cẩm	Tú	04/12/1992	Long An	8.0	6.0	7.0	7.5	7.0	7.0	7.5	**7.1**	Đạt
35	Phan Minh Thiên	Vân	07/03/1993	Quảng Nam	8.5	8.0	8.0	8.5	8.0	7.0	7.5	**7.9**	Đạt
36	Huỳnh Phạm Hải	Yến	10/05/1992	Bình Thuận	7.0	8.0	8.0	7.5	7.0	7.5	8.0	**7.6**	Đạt

Tp.Hồ Chí Minh ngày 04 tháng 12 năm 2013

Trưởng khoa **Lập bảng**